

Số: 02/2026/QĐ-UBND

U Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã U Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;

Căn cứ Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 327/TTr-PKT ngày 19 tháng 10 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã U Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã U Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng Công an xã; Trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Trưởng các ấp; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Cà Mau;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Chuột



QUY ĐỊNH

Về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã U Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã U Minh)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư; trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức có liên quan trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước, đất, rừng, cảnh quan và hạn chế ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã U Minh.

2. Nội dung tự quản về bảo vệ môi trường tập trung vào:

- a) Giữ gìn vệ sinh môi trường tại khu dân cư, đường giao thông, khu vực công cộng, kênh, rạch và các khu vực sinh hoạt chung;
- b) Thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải theo quy định và điều kiện thực tế của địa phương;
- c) Bảo vệ nguồn nước, đất, rừng và cảnh quan;
- d) Hạn chế phát sinh chất thải, ô nhiễm từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, lúa - tôm, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, kinh doanh, dịch vụ;
- đ) Phát hiện, phản ánh các hành vi có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;
- e) Tổ chức, vận động cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Việc thực hiện Quy định này phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính, điều kiện, nghĩa vụ hoặc yêu cầu trái quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- 1. Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trên địa bàn xã.
- 2. Hộ gia đình, cá nhân cư trú, sinh sống, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã.

3. Cộng đồng dân cư, Trưởng ấp, Ban công tác Mặt trận ở ấp, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Nhà nước, cộng đồng dân cư, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên phòng ngừa, hạn chế phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường ngay từ nguồn.

3. Khuyến khích cộng đồng dân cư chủ động tham gia quản lý, giữ gìn vệ sinh môi trường và giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

4. Việc kiểm tra, xác minh, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trình tự theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện trách nhiệm khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư

1. Cộng đồng dân cư trên địa bàn xã tham gia tự quản về bảo vệ môi trường thông qua các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế, như:

a) Tổ chức vệ sinh đường giao thông, khu dân cư, khu vực công cộng, kênh, rạch;

b) Vận động hộ gia đình, cá nhân thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải đúng quy định;

c) Vận động không vứt, đổ rác, chất thải xuống sông, kênh, rạch và khu vực công cộng;

d) Tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, cảnh quan;

đ) Phát hiện, phản ánh các hành vi có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đến Trưởng ấp hoặc UBND xã;

e) Tham gia các mô hình, phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường do địa phương hoặc cộng đồng dân cư tổ chức.

2. Hoạt động tự quản được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật, điều kiện thực tế và khả năng của cộng đồng dân cư; không thay thế chức năng quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2. Trên địa bàn xã cần tập trung phòng ngừa, phát hiện và phản ánh các hành vi:

- a) Vứt, đổ chất thải không đúng nơi quy định;
- b) Xả chất thải gây ô nhiễm nguồn nước;
- c) Đổ, xả xác động vật, thủy sản chết xuống sông, kênh, rạch, ao, hồ hoặc khu vực công cộng;
- d) Vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng ra môi trường;
- đ) Đốt, chôn, lấp hoặc xử lý chất thải không đúng quy định;
- e) Tự ý san lấp, lấn chiếm, làm cản trở dòng chảy trái quy định;
- g) Các hành vi khác bị pháp luật nghiêm cấm.

Chương II

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU DÂN CƯ, KHU VỰC CÔNG CỘNG VÀ CHỢ

Điều 6. Giữ gìn vệ sinh môi trường tại khu dân cư

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh nhà ở, khu vực sinh sống và khu vực công cộng theo quy định.
2. Chất thải phát sinh từ sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom, lưu giữ phù hợp, không để phát tán gây ô nhiễm môi trường.
3. Không vứt, đổ chất thải xuống đường giao thông, sông, kênh, rạch, ao, hồ, khu đất trống và các khu vực công cộng.
4. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường do xã, ấp và cộng đồng dân cư tổ chức.

Điều 7. Vệ sinh đường giao thông và khu vực công cộng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân giữ gìn vệ sinh khu vực thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của mình.
2. Không tự ý tập kết rác thải, phế thải, vật liệu gây mất vệ sinh, mỹ quan hoặc ảnh hưởng đến giao thông.
3. Trưởng ấp phối hợp với Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội vận động Nhân dân thực hiện vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện thực tế.
4. Khi phát hiện điểm tập kết chất thải tự phát, Trưởng ấp kịp thời phản ánh UBND xã để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 8. Điểm phát sinh chất thải tự phát

1. UBND xã và các ấp rà soát, theo dõi các vị trí thường xuyên phát sinh chất thải tự phát để tuyên truyền, vận động và có biện pháp xử lý phù hợp.

2. Không sử dụng lòng đường, khu vực công cộng, bờ sông, bờ kênh hoặc các khu vực không được phép làm nơi tập kết chất thải.

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi phát hiện hành vi đổ chất thải không đúng quy định có thể phản ánh đến Trưởng ấp hoặc UBND xã.

Điều 9. Bảo vệ môi trường tại chợ và khu vực kinh doanh

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại chợ, điểm kinh doanh có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh khu vực kinh doanh.

2. Chất thải phát sinh trong hoạt động kinh doanh được thu gom, lưu giữ và chuyển giao theo quy định.

3. Không xả chất thải, nước thải, dầu mỡ và các chất gây ô nhiễm ra đường, kênh, rạch hoặc khu vực công cộng trái quy định.

4. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tiếng ồn, khói, bụi và mùi

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cơ sở sản xuất, kinh doanh chủ động thực hiện các biện pháp hạn chế tiếng ồn, khói, bụi và mùi phát sinh gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.

2. Việc kiểm soát tiếng ồn, độ rung, khói, bụi, mùi và các yếu tố môi trường khác thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

3. Khi phát hiện vấn đề môi trường gây ảnh hưởng đến khu dân cư, tổ chức, cá nhân phản ánh đến Trưởng ấp hoặc UBND xã để được xem xét theo thẩm quyền.

Chương III

QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 11. Nguyên tắc quản lý chất thải

1. Việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý và chuyển giao chất thải thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khuyến khích giảm thiểu chất thải, tái sử dụng, tái chế và tận dụng chất thải phù hợp với quy định.

3. Không để chất thải phát tán gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Điều 12. Chất thải sinh hoạt

1. Hộ gia đình, cá nhân thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt phù hợp và chuyển giao theo phương án thu gom, vận chuyển, xử lý được triển khai tại địa phương.

2. Trường hợp chưa có điều kiện thu gom tập trung, việc quản lý chất thải thực hiện theo hướng dẫn của chính quyền địa phương và bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

3. Không tự ý đốt, chôn, lấp hoặc đổ chất thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến khu dân cư.

Điều 13. Chất thải công kênh

1. Chất thải công kênh được thu gom, lưu giữ và chuyển giao theo hướng dẫn của địa phương hoặc đơn vị có chức năng.

2. Không tự ý vứt, đổ chất thải công kênh xuống sông, kênh, rạch, đường giao thông, khu đất trống hoặc khu vực công cộng.

Điều 14. Chất thải có thành phần nguy hại từ hộ gia đình

1. Pin, ắc quy, bóng đèn, thiết bị điện tử và chất thải có thành phần nguy hại phát sinh từ hộ gia đình được thu gom, lưu giữ và chuyển giao theo quy định.

2. Khuyến khích hộ gia đình phân loại, lưu giữ riêng các chất thải có thành phần nguy hại và chuyển giao theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Không vứt, đốt hoặc chôn lấp chất thải có thành phần nguy hại cùng với chất thải sinh hoạt thông thường gây ô nhiễm môi trường.

Điều 15. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật

1. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, lưu giữ và chuyển giao theo quy định của pháp luật.

2. Không vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống ruộng, vuông tôm, sông, kênh, rạch, ao, hồ hoặc khu vực công cộng.

3. Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp thực hiện thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

4. UBND xã, các ấp và tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động người dân thực hiện thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định.

Điều 16. Chất thải trong nuôi trồng thủy sản

1. Hộ gia đình, cá nhân và cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện quản lý nước thải, bùn thải, xác thủy sản, bao bì, hóa chất, chế phẩm và các chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

2. Không xả chất thải gây ô nhiễm nguồn nước chung hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, đời sống của cộng đồng dân cư.

3. Bùn thải từ ao, vuông nuôi được quản lý, xử lý hoặc sử dụng phù hợp; không đổ tùy tiện ra đường, kênh, rạch hoặc đất của tổ chức, cá nhân khác.

4. Xác thủy sản chết, trường hợp có nguy cơ dịch bệnh thực hiện xử lý theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Điều 17. Xác động vật

1. Xác gia súc, gia cầm và động vật chết được thu gom, xử lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

2. Trường hợp động vật chết do dịch bệnh hoặc nghi mắc bệnh truyền nhiễm thực hiện xử lý theo quy định về phòng, chống dịch bệnh.

3. Không vứt xác động vật xuống sông, kênh, rạch, ao, hồ, đường giao thông, khu dân cư hoặc nơi công cộng.

Chương IV

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÚA – TÔM, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ CHĂN NUÔI

Điều 18. Sản xuất nông nghiệp

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp thực hiện sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư nông nghiệp theo hướng dẫn và quy định pháp luật.

2. Chủ động hạn chế sử dụng hóa chất có nguy cơ gây ô nhiễm đất, nước và ảnh hưởng đến hệ sinh thái.

3. Thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật và các chất thải phát sinh trong sản xuất theo quy định.

4. Khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp và các phương thức sản xuất thân thiện với môi trường.

Điều 19. Bảo vệ môi trường trong sản xuất lúa – tôm

1. Hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa - tôm thực hiện:

a) Sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng dẫn, an toàn và tiết kiệm;

b) Thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

c) Quản lý nước, bùn thải và chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất;

d) Không xả chất thải gây ô nhiễm nguồn nước chung hoặc ảnh hưởng đến hộ sản xuất khác;

đ) Thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo vệ đất, nước và hệ sinh thái.

2. Khuyến khích phát triển mô hình lúa – tôm hữu cơ, sinh học, tuần hoàn, sử dụng vật tư thân thiện với môi trường.

Điều 20. Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản

1. Hộ gia đình, cá nhân và cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện quản lý nước, bùn thải, hóa chất, chế phẩm, thức ăn, bao bì và chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.
2. Chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm, hạn chế phát sinh chất thải và sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước.
3. Khuyến khích áp dụng quy trình nuôi an toàn sinh học, nuôi sinh thái, nuôi tuần hoàn và các mô hình giảm tác động đến môi trường.

Điều 21. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

1. Hộ gia đình, cơ sở chăn nuôi thực hiện thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế.
2. Không để chất thải chăn nuôi gây ô nhiễm đất, nguồn nước hoặc ảnh hưởng đến khu dân cư.
3. Chủ động thực hiện các biện pháp hạn chế mùi hôi, ruồi, muỗi và các yếu tố gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
4. Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 22. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi hoạt động của mình.
2. Chủ động kiểm soát chất thải, nước thải, tiếng ồn, bụi, mùi và các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm.
3. Việc thực hiện giấy phép môi trường, đăng ký môi trường và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định pháp luật.

Chương V

BẢO VỆ ĐẤT, NƯỚC, RỪNG VÀ CẢNH QUAN

Điều 23. Bảo vệ sông, kênh, rạch và nguồn nước

1. Không vứt, đổ rác, chất thải, xác động vật, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất và các chất gây ô nhiễm xuống nguồn nước.
2. Không tự ý san lấp, lấn chiếm, xây dựng hoặc thực hiện hành vi làm cản trở dòng chảy trái quy định.
3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất gần nguồn nước chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế ô nhiễm.

4. Khi phát hiện nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm, kịp thời phản ánh đến Trưởng ấp hoặc UBND xã.

Điều 24. Bảo vệ đất

1. Không đổ, chôn, lấp chất thải, hóa chất hoặc vật liệu có nguy cơ gây ô nhiễm đất trái quy định.

2. Không sử dụng đất làm nơi tập kết, chứa hoặc chôn lấp chất thải trái quy định.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất thực hiện các biện pháp bảo vệ đất, hạn chế suy thoái, ô nhiễm đất theo quy định pháp luật.

Điều 25. Bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện trách nhiệm bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Không tự ý chặt phá, lấn chiếm rừng, đất rừng; không đổ chất thải hoặc thực hiện hành vi gây ô nhiễm trong khu vực rừng.

3. Chủ rừng, tổ chức, cá nhân được giao quản lý rừng thực hiện trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng ngừa nguy cơ cháy rừng và bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Khi phát hiện hành vi xâm hại rừng, nguy cơ cháy rừng hoặc hành vi gây ô nhiễm, kịp thời phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 26. Cây xanh và cảnh quan

1. Khuyến khích trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh tại khu dân cư, cơ quan, trường học, đường giao thông và khu vực công cộng.

2. Việc quản lý, bảo vệ và chặt hạ cây xanh thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Không tập kết rác thải, vật dụng gây ảnh hưởng đến cảnh quan và vệ sinh nơi công cộng.

Điều 27. Bảo vệ môi trường trong xây dựng

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân thi công công trình thực hiện các biện pháp hạn chế bụi, tiếng ồn, chất thải và các tác động bất lợi đến môi trường theo quy định.

2. Vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng được tập kết, vận chuyển và xử lý theo quy định, không gây ảnh hưởng đến giao thông, khu dân cư và môi trường.

3. Không tự ý đổ phế thải xây dựng xuống sông, kênh, rạch, khu đất công cộng hoặc khu vực không được phép.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP, GIÁM SÁT VÀ PHẢN ÁNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.
2. Hướng dẫn, tạo điều kiện để cộng đồng dân cư tham gia hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường.
3. Tiếp nhận, xem xét, xác minh các phản ánh về môi trường thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước, đất, rừng và cảnh quan.
5. Chỉ đạo rà soát, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề môi trường phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

Điều 29. Trách nhiệm của Phòng Kinh tế

1. Tham mưu UBND xã triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của UBND xã.
2. Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn các ấp, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Theo dõi, tổng hợp tình hình môi trường trên địa bàn; phối hợp kiểm tra, xác minh các vấn đề môi trường theo phân công.
4. Tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị về môi trường để tham mưu UBND xã xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền.
5. Phối hợp theo dõi các điểm có nguy cơ phát sinh ô nhiễm, điểm tập kết chất thải tự phát và đề xuất biện pháp phù hợp.

Điều 30. Trách nhiệm của Công an xã

Công an xã phối hợp với UBND xã, Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc bảo đảm an ninh, trật tự; tiếp nhận, xác minh và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì phối hợp, chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 31. Trách nhiệm của Trưởng ấp và cộng đồng dân cư

1. Trưởng ấp tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường và Quy định này.

2. Vận động cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động tự quản về vệ sinh môi trường, thu gom chất thải, bảo vệ nguồn nước, cảnh quan và các khu vực sinh hoạt chung.

3. Theo dõi tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn ấp; kịp thời phản ánh UBND xã các vấn đề môi trường phát sinh.

4. Vận động hộ gia đình, cá nhân không vứt, đổ chất thải xuống sông, kênh, rạch và không vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật ra môi trường.

5. Việc tự quản của cộng đồng dân cư được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 32. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Vận động cộng đồng dân cư tham gia vệ sinh đường giao thông, khu dân cư, kênh, rạch và các khu vực công cộng phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 33. Phản ánh, giám sát và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có quyền phản ánh, kiến nghị với UBND xã hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

2. UBND xã tiếp nhận, xem xét, xác minh và giải quyết phản ánh thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Việc kiểm tra, xác minh và xử lý vi phạm phải bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trình tự theo quy định pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Khuyến khích huy động nguồn lực hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.
3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã, Công an xã, các ấp, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Quy định này.
2. Trưởng các ấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định đến hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn.
3. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường và các nội dung tự quản được quy định tại văn bản này.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, ấp, tổ chức và cá nhân phản ánh về UBND xã thông qua Phòng Kinh tế để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung không được quy định tại Quy định này thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế, Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét theo thẩm quyền.

